

Số: 11 /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và
nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
114/2016/NĐ-CP, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP,
Nghị định số 06/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 87/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 07/2025/NĐ-
CP, Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Trẻ em được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2025/NĐ-
CP;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 54/TTr-STP ngày
30 tháng 01 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giải
quyết việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai.*



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 02 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

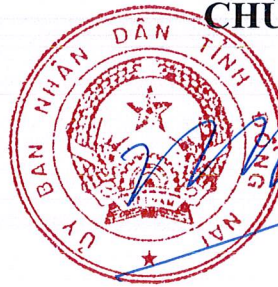
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Y tế, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*u*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTDTHPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (Bộ Y tế);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Vụ Pháp chế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *u*

Huy *u* 121 bản)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi
có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **11** /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, quy trình và nội dung phối hợp liên ngành, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp; Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
2. Tuân thủ trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ.
3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.
4. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và có hiệu quả.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn công tác liên ngành.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG VIỆC ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ BỊ BỎ RƠI

Điều 5. Phối hợp trong việc lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi

1. Lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi

Sau khi nhận được thông tin từ người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi, Ủy ban nhân dân cấp xã cử công chức thực hiện nhiệm vụ tư pháp – hộ tịch phối hợp với Công an xã, phường (sau đây gọi là Công an cấp xã) nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập biên bản. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế, thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở y tế đặt trụ sở.

Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi, đặc điểm nhận dạng về giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; đồ vật khác của trẻ; các thông tin khác về trẻ và gia đình của trẻ (nếu có); họ, tên; giấy tờ tùy thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải được người lập, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có), đại diện Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện cơ sở y tế ký tên đóng dấu xác nhận của cơ quan lập biên bản.

Biên bản được lập thành 03 (ba) bản, 01 (một) bản lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 (một) bản giao cho đại diện Công an cấp xã, 01 (một) bản giao cho cơ sở y tế hoặc người được giao tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

2. Tìm người trong nước hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Nếu có cá nhân, gia đình cư trú trên địa bàn xã, phường đăng ký nhận chăm sóc thay thế theo khoản 1 Điều 38 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, quyết định giao trẻ cho người nhận chăm sóc, thay thế.

Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định giao, nhận trẻ cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP; tổ chức việc giao, nhận trẻ em giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

b) Trường hợp không có người, tổ chức nhận tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã liên hệ ngay với cơ sở trợ giúp xã hội gần nhất để tiến

hành thủ tục tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi theo thủ tục tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

Trường hợp người, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng không còn đủ khả năng tiếp tục nuôi dưỡng hoặc không còn nguyện vọng tiếp tục tạm thời nuôi dưỡng hoặc hết thời hạn thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ mà không tìm được cha, mẹ đẻ hoặc không có người trong nước nhận trẻ làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi lập hồ sơ đề nghị tiếp nhận trẻ bị bỏ rơi vào cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi để tìm cha, mẹ đẻ của trẻ. Hết thời hạn niêm yết, nếu không tìm thấy cha, mẹ đẻ của trẻ thì người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ theo quy định của pháp luật về hộ tịch theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

3. Cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi

a) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ bị bỏ rơi.

b) Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo về việc trẻ bị bỏ rơi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở y tế sau khi phát hiện trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sở y tế.

Điều 6. Niêm yết công khai, thông báo tìm cha, mẹ của trẻ

Sau khi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi để tìm nhân thân, gia đình của trẻ theo khoản 2 Điều 14 Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Đăng ký khai sinh cho trẻ

Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, cá nhân, gia đình đang nuôi dưỡng trẻ tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.

Chương III

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT VIỆC NHẬN TRẺ LÀM CON NUÔI TRONG NƯỚC

Điều 8. Giải quyết việc cho người trong nước nhận trẻ bị bỏ rơi làm con nuôi

Trẻ bị bỏ rơi đã được Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ hoặc chăm sóc thay thế, nếu người tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế có nguyện vọng nhận trẻ làm con nuôi và đủ điều kiện nhận con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc nuôi con nuôi theo đúng quy định.

Điều 9. Tìm người trong nước nhận trẻ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ thuộc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp làm con nuôi

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của trẻ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ thuộc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp mà không có người nuôi dưỡng có trách nhiệm hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ và thông báo, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 60 ngày để tìm người trong nước nhận trẻ làm con nuôi.

2. Trong thời gian thông báo, niêm yết, nếu có người cư trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhận trẻ làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định.

3. Nếu không có người cư trú trên địa bàn tỉnh nhận trẻ làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ vào cơ sở trợ giúp xã hội theo khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 10. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ đã được tiếp nhận chính thức vào cơ sở trợ giúp xã hội (có Quyết định tiếp nhận của người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở trợ giúp xã hội) thuộc đối tượng cần tìm gia đình thay thế.

2. Trường hợp trẻ bị bỏ rơi, trẻ mồ côi cả cha và mẹ, trẻ không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật, hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đánh giá việc trẻ cần được nhận làm con nuôi. Nếu có công dân Việt Nam cư trú ở trong nước nhận trẻ làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tiếp nhận trẻ bị bỏ rơi, trẻ mồ côi cả cha và mẹ, trẻ không nơi nương tựa vào sống ở cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội đánh giá việc trẻ cần được nhận làm con nuôi. Cơ sở trợ giúp xã hội gửi danh sách và hồ sơ trẻ cần tìm gia đình thay thế gửi xin ý kiến cơ quan chủ quản là Sở Y tế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Y tế có văn bản cho ý kiến về danh sách trẻ cần được nhận làm con nuôi, kèm theo hồ sơ và gửi Sở Tư pháp để tiến hành thông báo tìm người nhận nuôi theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2016/NĐ-CP, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 06/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

4. Sau khi nhận được danh sách từ Sở Y tế, Sở Tư pháp tiến hành đăng tải danh sách trẻ có nhu cầu tìm gia đình thay thế trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp và trên phương tiện thông tin đại chúng trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 60 ngày theo điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thông báo, nếu có người cư trú trên địa bàn tỉnh nhận trẻ làm con nuôi, Sở Tư pháp thực hiện việc giới thiệu trẻ làm con nuôi trong nước.

Hết thời hạn 60 ngày thông báo, nếu không có người cư trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhận trẻ làm con nuôi, Sở Tư pháp gửi hồ sơ trẻ và danh sách về Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận trẻ làm con nuôi trong phạm vi cả nước theo điểm c khoản 2 Điều 15 Luật số 52/2010/QH12.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thông báo, nếu có người trong nước nhận trẻ làm con nuôi, Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp giới thiệu người nhận con nuôi về Sở Tư pháp để thực hiện giới thiệu trẻ làm con nuôi trong nước. Sau khi hoàn tất đăng ký việc nuôi con nuôi, Sở Tư pháp thông báo cho Cục Hành chính tư pháp để xóa tên trẻ trong danh sách cần tìm gia đình thay thế.

Sau 60 ngày đăng thông báo, nếu không có người trong nước nhận trẻ làm con nuôi, Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp tiến hành thủ tục xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo điểm d khoản 2 Điều 15 Luật số 52/2010/QH12.

Điều 11. Đăng ký nhu cầu và giới thiệu trẻ em cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi trong nước

1. Người cư trú trên địa bàn tỉnh có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định của Luật số 52/2010/QH12 đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Sở Tư pháp. Người có nhu cầu nhận con nuôi đăng ký nguyện vọng kèm theo hồ sơ gửi Sở Tư pháp để kiểm tra và giới thiệu, tìm gia đình thay thế cho trẻ.

2. Sau khi nhận hồ sơ của người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi trong nước, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi, đảm bảo điều kiện người nhận con nuôi theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi.

Sau khi đối chiếu danh sách và hồ sơ trẻ cần được nhận làm con nuôi với Danh sách đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, Sở Tư pháp có văn bản giới thiệu và giao 01 bộ hồ sơ trẻ cho người đăng ký nhu cầu nhận trẻ làm con nuôi (bao gồm kết quả xác minh nguồn gốc trẻ và văn bản lấy ý kiến những người liên quan) để người nhận con nuôi liên hệ cơ sở trợ giúp xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở cơ sở trợ giúp xã hội để đăng ký việc nuôi con nuôi.

3. Người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được giới thiệu để quyết định việc nhận nuôi trẻ. Sau thời hạn 30 ngày, nếu người nhận con nuôi không thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi mà không có lý do chính đáng thì Sở Tư pháp xem xét việc tìm gia đình thay thế khác cho trẻ.

Người nhận con nuôi không được có bất kỳ sự tiếp xúc nào với cơ sở trợ giúp xã hội để xin nhận trẻ làm con nuôi trước khi Sở Tư pháp có văn bản giới thiệu.

Điều 12. Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội đánh giá kỹ mục đích của việc nuôi con nuôi, điều kiện, hoàn cảnh, lấy ý kiến của người nhận con nuôi nhằm tránh tình trạng phân biệt giữa con nuôi và con đẻ hoặc tránh trường hợp nhận nuôi một thời gian thì không còn nhu cầu nuôi trẻ.

Sau khi đăng ký việc nuôi con nuôi hoàn tất, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Sở Tư pháp để xóa tên trẻ cần được nhận nuôi.

Chương IV

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ đối với các trường hợp trẻ bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Việc xác minh nguồn gốc của trẻ bị bỏ rơi có thể thực hiện đồng thời với việc thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ ngay khi Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của trẻ.

2. Công an tỉnh

a) Có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp theo khoản 1 Điều 33 Luật số 52/2010/QH12. Nội dung trả lời xác minh của Công an tỉnh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ bị bỏ rơi, không xác định được cha, mẹ đẻ. Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ để Sở Tư pháp tiến

hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài.

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2016/NĐ-CP, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 06/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

Điều 14. Lấy ý kiến về sự đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài

1. Căn cứ kết quả xác minh của Công an tỉnh, trong trường hợp xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ, người thân thích của trẻ, Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến cha, mẹ đẻ trẻ theo quy định tại Điều 21 Luật số 52/2010/QH12.

2. Trường hợp trẻ từ đủ 09 tuổi trở lên, Sở Tư pháp lấy ý kiến của trẻ về việc đồng ý làm con nuôi nước ngoài.

3. Trường hợp trẻ sống tại cơ sở trợ giúp xã hội, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

4. Những người được lấy ý kiến về sự đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày được lấy ý kiến để xem xét về sự đồng ý hay không đồng ý cho trẻ làm con nuôi theo điểm d khoản 5 Điều 14 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp. Sau thời hạn 22 ngày làm việc, không được có ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài.

Điều 15. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài

1. Trước khi xác nhận trẻ có đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật số 52/2010/QH12, Sở Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ trẻ và đối chiếu với các quy định về đối tượng, độ tuổi của trẻ được nhận làm con nuôi, trường hợp được nhận đích danh, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu.

Trường hợp trẻ bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài thì phải có văn bản xác minh và kết luận rõ ràng của Công an tỉnh về nguồn gốc trẻ bị bỏ rơi, không xác định được cha mẹ đẻ.

Trường hợp trẻ bị bỏ rơi mà Công an tỉnh xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi.

Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ làm con nuôi. Thời hạn niêm yết là 60 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Việc xác nhận trẻ có đủ điều kiện làm con nuôi phải bảo đảm trẻ đáp ứng đủ các yêu cầu về độ tuổi, đối tượng được nhận đích danh, đối tượng phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.

Trường hợp trẻ có đủ điều kiện làm con nuôi, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Sau khi xác nhận trẻ đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an tỉnh đối với trường hợp trẻ bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ làm con nuôi nước ngoài; trường hợp trẻ đang sống tại cơ sở trợ giúp xã hội thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội về việc cho trẻ làm con nuôi.

4. Đối với trẻ không phải là trẻ khuyết tật, trẻ mắc bệnh hiểm nghèo được nhận đích danh thì phải có văn bản xác nhận đã thực hiện thủ tục thông báo tìm người trong nước nhận trẻ làm con nuôi.

5. Sở Tư pháp có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Văn bản xác nhận gửi Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp kèm kết quả văn bản lấy ý kiến cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ; ý kiến của trẻ em từ 09 tuổi trở lên; văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội và văn bản xác minh nguồn gốc trẻ của Công an tỉnh.

Điều 16. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài

Việc giới thiệu trẻ làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ làm con nuôi nước ngoài thực hiện như sau:

1. Tùy từng trường hợp cụ thể, Sở Tư pháp lựa chọn hình thức phối hợp liên ngành để tham mưu, tư vấn trong việc giới thiệu trẻ làm con nuôi nước ngoài bảo đảm chặt chẽ, khách quan, phù hợp với nhu cầu và lợi ích tốt nhất của trẻ. Việc phối hợp liên ngành có thể được thực hiện thông qua hình thức họp liên ngành hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giới thiệu trẻ làm con nuôi nước ngoài.

a) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp (Chủ trì cuộc họp), đại diện Lãnh đạo Sở Y tế, đại diện Lãnh đạo

Công an tỉnh, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Ban Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2016/NĐ-CP, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 06/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ của trẻ và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ cho người nhận con nuôi. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ.

b) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ của trẻ và hồ sơ của người nhận con nuôi cho các cơ quan, ban ngành nêu tại điểm a khoản này đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được lấy ý kiến có văn bản trả lời. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan.

2. Sau khi nhận được các văn bản đóng góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị hoặc trên cơ sở thống nhất các ý kiến tại cuộc họp, Sở Tư pháp báo cáo kết quả giới thiệu trẻ làm con nuôi nước ngoài cho Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp. Trường hợp không đồng ý, các đơn vị thông báo rõ lý do để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại.

Điều 17. Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài

1. Sau khi nhận được thông báo của Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ được giới thiệu, Sở Tư pháp ban hành Quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sau khi ký Quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức Lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, Sở Y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, trẻ được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi.

Điều 18. Trường hợp nhận trẻ em làm con nuôi theo diện đích danh

1. Đối với trường hợp người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi theo diện đích danh, sau khi nhận hồ sơ từ Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tổ chức lấy ý kiến cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ, trẻ được nhận làm con nuôi từ 09 tuổi trở lên trong thời hạn 22 ngày làm việc theo điểm d khoản 5 Điều 14 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP. Hết thời hạn 22 ngày, người được lấy ý kiến không thay đổi ý kiến thì Sở Tư pháp ký Quyết định việc cho con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2. Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan xác minh về điều kiện của công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi trước khi cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

Điều 19. Phối hợp trong việc quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

1. Căn cứ vào thông báo của Cục Hành chính tư pháp về số lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài và chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về địa phương, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh để thực hiện việc rút dự toán chi tiêu trong phạm vi số kinh phí được điều chuyển và có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị này sử dụng, chấp hành và quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư số 267/2016/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2. Sở Tư pháp, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định tại Thông tư số 267/2016/TT-BTC.

Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ 06 tháng, năm và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình giải quyết thủ tục hành chính về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan, đơn vị khi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất những vấn đề có liên quan đến phạm vi áp dụng của Quy chế này theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền thì đồng thời gửi Sở Tư pháp một bản để theo dõi.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.
3. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong việc giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương.
4. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại địa phương.
5. Chịu trách nhiệm đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện cho các cuộc họp liên ngành do Sở Tư pháp chủ trì.
6. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp.
7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Cử thành viên tham gia họp liên ngành, tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.
2. Cử thành viên tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử, lập hồ sơ trẻ bị bỏ rơi đúng theo quy định của pháp luật để tránh tình trạng làm hồ sơ giả cho trẻ làm con nuôi, mua bán trẻ em.
4. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh lai lịch trẻ bị bỏ rơi tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh hoặc các sự kiện sinh, tử khác theo yêu cầu của Công an tỉnh hoặc Sở Tư pháp.
5. Hướng dẫn các cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ chuyển giao trẻ bị bỏ rơi khi tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội.
6. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình, gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

7. Có ý kiến đối với việc đồng ý hoặc không đồng ý cho trẻ làm con nuôi nước ngoài.

Điều 24. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Có trách nhiệm xác minh nguồn gốc của trẻ bị bỏ rơi được cho làm con nuôi; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

2. Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời tra cứu, cung cấp kết quả thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân là người nhận con nuôi đang cư trú trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

3. Có ý kiến đối với việc đồng ý hoặc không đồng ý cho trẻ làm con nuôi nước ngoài.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn tỉnh số lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài và chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài do Cục Hành chính tư pháp – Bộ Tư pháp chuyển về địa phương.

2. Cân đối dự toán trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở đăng tải thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ khi có đề nghị của Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 27. Trách nhiệm của Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai

Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai có trách nhiệm đăng tải miễn phí thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở trợ giúp xã hội hoặc Sở Tư pháp.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ rà soát, đánh giá nhu cầu trẻ cần tìm gia đình thay thế, tìm người nuôi dưỡng tạm thời cho trẻ bị bỏ rơi, thực hiện việc lập Biên bản trẻ bị bỏ rơi, thông báo tìm cha, mẹ đẻ cho trẻ và bàn giao trẻ cho cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định.

2. Phối hợp kịp thời với Sở Tư pháp trong việc tổ chức lấy ý kiến người có liên quan trong giải quyết việc nuôi con nuôi và niêm yết thông báo, trả lời kết quả việc niêm yết thông báo về trường hợp giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài về Sở Tư pháp.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan có liên quan

Căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ trì, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.
2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình, gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

Điều 30. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện việc dự toán ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện Quy chế này.

Điều 31. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương./.